TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18- 5- 2023
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Vũ Thị Quỳ

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 1, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Danh K, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 1, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06 tháng 3 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Đỗ Danh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 10 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị cùng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, anh K hay ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2023 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị N và anh K không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Danh K.

Về con chung: Chị N khai vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Thị H, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2000, Đỗ Ngọc L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006 và Đỗ Kim L1, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2014. Trường hợp ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1 còn đồng ý để anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Cháu H đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị N tự thỏa thuận với anh K, do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N để tự thỏa thuận với anh K, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Danh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai anh K vẫn vắng mặt tại Tòa án và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Đỗ Danh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị N được ly hôn anh K. Về con chung, giao con chung là Đỗ Kim L1 cho chị N nuôi dưỡng và giao con chung là Đỗ Ngọc L cho anh Đỗ Danh K nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị N tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung do chị N không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Đỗ Danh K đã được Toà án triệu tập hợp lệ để anh K có mặt tại Toà án trình bày ý kiến của mình về việc chị Phạm Thị N có đơn xin ly hôn nhưng anh K vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Đỗ Danh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Đỗ Danh K được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lối sống, sinh hoạt hàng ngày, anh K hay ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Chị N, anh K đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay, trong thời gian sống ly thân chị N và anh K không còn quan tâm đến nhau nữa. Kết quả xác minh tại gia đình và chính quyền địa pH thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh K phù hợp với lời khai của chị N. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh K, anh K không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh K đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N xin ly hôn với anh K.

[3] Về con chung: Chị N và anh K có 03 con chung là Đỗ Thị H, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2000, Đỗ Ngọc L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006 và Đỗ Kim L1, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2014. Trường hợp ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1 còn đồng ý để anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Cháu H đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét nguyện vọng của cháu L muốn ở cùng bố là anh K, cháu L1 có nguyện vọng muốn ở cùng mẹ là chị N. Tài liệu xác minh thể hiện cả chị N và anh K đều có điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Anh K vắng mặt và không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Như vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị N, giao cháu Đỗ Kim L1 cho chị N nuôi dưỡng và giao cháu Đỗ Ngọc L cho anh K nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị N đề nghị để tự thỏa thuận với anh K, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị N khai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết; anh K vắng mặt và chưa có lời khai về tài sản chung vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Đỗ Danh K.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Đỗ Kim L1 sinh ngày 10 tháng 11 năm 2014 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Đỗ Ngọc L sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006 cho anh Đỗ Danh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0001895 ngày 14/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng, chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đỗ Danh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K1, huyện K ;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang